**TUẦN 6**

**MÔN TOÁN:**

**Tiết 26 Ôn tập về phép chia, bảng chia 2, bảng chia 5. Số tiết: 1 tiết**

Thời gian thực hiện: ngày 10 tháng 10 năm 2022

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, học sinh đạt được các yêu cầu sau:

- Ôn tập về phép chia, Bảng chia 2, Bảng chia 5.

- Bước đầu làm quen với giải bài toán có phép chia.

-Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các năng lực toán học: **Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.**

- Phát triển các phẩm chất: chăm chỉ, đoàn kết và hợp tác tốt với bạn, mạnh dạn và tự tin trình bày ý kiến.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

Giáo viên: - Tranh minh họa bài tập 1, bài tập 2 và bài tập 4.

Học sinh: - Sách Toán, vở Bài tập Toán

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
|  | **A) HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** | |
| 5ph | 1. **Khởi động:** | |
|  | **-** Tổ chức trò chơi: Bắn tim  - Nêu luật chơi. | - Chơi trò chơi.  + Cách chơi: Lớp trưởng (người quản trò) sẽ nêu phép tính đầu tiên (liên quan đến các bảng nhân đã học) và mời bạn trả lời. Bạn trả lời đúng sẽ tiếp tục nêu phép tính và mời bạn tiếp theo trả lời trong thời gian 1 phút.  Nếu bạn trả lời đúng, cả lớp sẽ nhận xét bằng tràng pháo tay. Nếu bạn trả lời sai, cả lớp sẽ nhận xét bằng cách phát âm “ú ù”  Ví dụ: 2 x 5 = 10  4 x 6 = 24 …. |
| **30ph** | **B) HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP** | |
|  | **Bài 1: Nêu phép tính chia thích hợp với mỗi tranh vẽ** | |
|  | -Tổ chức cho học sinh đọc yêu cầu của bài tập.  - Bài tập 1 yêu cầu làm gì?  - Tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm đôi và trả lời các câu hỏi sau:  + Em hãy nêu bài toán ứng với bức tranh trên.  + Em hãy nêu phép tính thích hợp.  - Thực hiện tương tự với câu b.  - Hai bài toán trên có gì giống nhau?  - Muốn tìm số quả trứng, quả bóng trong mỗi hộp ta làm như thế nào? | - Đọc yêu cầu của bài tập.  - Quan sát tranh rồi nêu phép tính chia thích hợp.  - Thảo luận nhóm 2 trả lời các câu hỏi trên.  VD: Trong tranh a, có 16 quả trứng, được chia đều vào 2 hộp. Mỗi hộp có bao nhiêu quả trứng?  Ta được phép chia là:  16 : 2 = 8  - Các bạn nhận xét phần trình bày của nhóm bạn.  Tranh b: Có 20 quả bóng, xếp đều vào 5 hộp. Mỗi hộp có bao nhiêu quả bóng?  Ta được phép chia là:  20 : 5 = 4  - Giống nhau: tìm số quả trứng, quả bóng trong mỗi hộp.  - Lấy số quả trứng, số quả bóng có tất cả chia cho số hộp. |
|  | **Bài 2: Quan sát tranh, nêu các phép tính thích hợp:** | |
|  | **-** Tổ chức cho học sinh đọc yêu cầu của bài tập.  - Bài tập 2 gồm những yêu cầu gì?  - Tranh vẽ gì?  - Em hãy nêu bài toán ứng với bức tranh trên.  - Em hãy nêu phép tính thích hợp.  - Tổ chức cho học sinh trình bày bài vào vở.  - Em hãy nêu mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia. | - Đọc yêu cầu của bài tập: Quan sát tranh, nêu các phép tính thích hợp.  - Quan sát tranh, nêu phép tính.  - Có 5 tấm thẻ, trên mỗi tấm thẻ có 2 con bươm bướm.  - Mỗi tấm thẻ có 2 con bướm. Hỏi 5 tấm thẻ có bao nhiêu con bướm?  -2 x 5 = 10  - Có 10 con bươm bướm, chia đều vào 5 tấm thẻ. Hỏi mỗi tấm thẻ có bao nhiêu con bươm bướm?  - 10 : 5 = 2  - Có 10 con bươm bướm, chia đều vào các tấm thẻ, mỗi tấm thẻ có 2 con bươm bướm. Hỏi chia đều vào được bao nhiêu tấm thẻ?  - 10 : 2 = 5  - Các bạn nhận xét phần trình bày của bạn.  - Viết các phép tính vào vở.  2 x 5 = 10  10 : 2 = 5  10 : 5 = 2  - Từ một phép nhân ta hình thành được hai phép tính chia tương ứng. Lấy tích chia cho thừa số thứ nhất sẽ được thừa số thứ hai và ngược lại. |
|  | **Bài 3: Tính nhẩm** | |
|  | -Tổ chức cho học sinh đọc yêu cầu bài tập.  - Bài tập yêu cầu làm gì?  - Các phép tính trong bài thuộc bảng phép tính nào đã học?  - Vận dụng bảng chia 2, bảng chia 5 để thực hiện các phép tính trong vở.  - Tổ chức sửa bài bằng trò chơi: Truyền điện.  - Nêu luật chơi.  + Cách chơi: Bạn đầu tiên nêu phép tính. Sau đó đập tay (hoặc đập vai) bạn (ở trước, ở sau, ở bên trái, bên phải) để bạn là người tếp tục cho đến hết các phép tính.  + Nếu bạn trả lời đúng, cả lớp sẽ nhận xét bằng tràng pháo tay. Nếu bạn trả lời sai, cả lớp sẽ nhận xét bằng cách phát âm “ú ù”  - Tổ chức cho học sinh đọc bảng chia 2 và bảng chia 5. | - Đọc yêu cầu bài tập: Tính nhẩm  - Tính nhẩm rồi viết kết quả.  - Bảng nhân 2 và bảng nhân 5.  - Làm bài vào vở.  18 : 2 = 9 14 : 2 = 7  10 : 2 = 5 20 : 2 = 10  4 : 2 = 2 2 : 2 = 1  30 : 5 = 6 50 : 5 = 10  10 : 5 = 2 35 : 5 = 7  25 : 5 = 5 45 : 5 = 9  - Chơi trò chơi.  - Đổi vở chấm bài bạn.  - Đọc bảng chia 2, bảng chia 5. |
| **5ph** | **C) HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM** | |
|  | **Bài 4: Giải bài toán sau (theo mẫu):** | |
|  | - Tổ chức cho học sinh đọc đề bài toán mẫu.  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán yêu cầu tìm gì?  - Muốn tìm được số cái bánh ở mỗi đĩa, ta làm như thế nào?  - Hướng dẫn học sinh cách trình bày bài giải mẫu.  *Số chiếc bánh ở mỗi đĩa có là:*  *10 : 2 = 5 (chiếc)*  *Đáp số: 5 chiếc bánh*  - Tổ chức cho học sinh đọc đề bài toán.  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán yêu cầu tìm gì?  - Muốn tìm được số nhóm chia được, ta làm như thế nào?  - Hai bài toán trên có gì giống nhau và khác nhau?  - Muốn tìm số bánh trong mỗi đĩa ta làm như thế nào?  - Muốn tìm số nhóm chia được ta làm như thế nào? | - Đọc đề bài toán: Mẹ làm được 10 chiếc bánh, Đức giúp mẹ xếp đều vào 2 đĩa. Hỏi mỗi đĩa có mấy chiếc bánh?  - Có 10 chiếc bánh, xếp đều vào 2 đĩa.  - Tìm số cái bánh ở mỗi đĩa.  - Lấy số cái bánh chia cho số cái đĩa.  - Đọc đề bài toán: Đoàn tham quan có 15 người được chia thành các nhóm, mỗi nhóm 5 người. Hỏi đoàn tham quan đó đã được chia thành mấy nhóm?  - Có 15 người, chia đều vào các nhóm, mỗi nhóm 5 người.  - Tìm số nhóm chia được.  - Lấy số người có tất cả, chia cho số người mỗi nhóm.  - Làm bài giải vào vở.  *Số nhóm đoàn tham quan đã được chia thành là:*  *15 : 5 = 3 (nhóm)*  *Đáp số: 3 nhóm*  - Sửa bài.  - Nhận xét bài làm của bạn. Đổi vở chấm bài của bạn.  - Giống nhau: đều thực hiện phép tính chia.  - Khác nhau: Bài toán a, tìm số bánh trong mỗi đĩa. Ở bài toán b, tìm số nhóm được chia.  - Lấy số bánh có tất cả chia cho số đĩa.  - Lấy sỗ người có tất cả chia chố số người trong mỗi nhóm. |
|  | **Củng cố, dặn dò:** | |
|  | **-** Qua bài học hôm nay, em biết được điều gì?  - Em muốn nhắn nhủ các bạn của mình điều gì? | - Bảng chia 2, bảng chia 5 và giải bài toán liên quan đến phép chia.  - Cần học thuộc bảng nhân 2 và bảng nhân 5 từ đó sẽ hình thành được bảng chia 2 và bảng chia 5 tương ứng.  - Cần ghi nhớ cách giải bài toán liên quan đến phép chia. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**TUẦN 6**

**MÔN TOÁN:**

**Tiết 27 ,28 Tên bài học: Bảng chia 3. Số tiết: 2 tiết**

Thời gian thực hiện: ngày 11 và 12 tháng 10 năm 2022

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, học sinh đạt được các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép tính trong bảng chia 3 và thành lập bảng chia 3.

-Vận dụng bảng chia 3 để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn.

- Phát triển các năng lực toán học: **Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng phương tiện, công cụ toán học.**

- Phát triển các phẩm chất: chăm chỉ, đoàn kết và hợp tác tốt với bạn, mạnh dạn và tự tin trình bày ý kiến.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

Giáo viên: - Tranh minh họa bài tập 4, thẻ chấm tròn, đồ dùng hình tổ chim và chim.

Học sinh: - Sách Toán, vở Bài tập Toán, 10 tấm thẻ - mỗi tấm thẻ có 3 chấm tròn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:**

**Tiết 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **5ph** | **A) HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** | |
|  | 1. **Khởi động:** | |
|  | **-** Tổ chức trò chơi: Vòng quay kì diệu  - Nêu luật chơi: Mỗi vòng quay có 10 ô số đánh số từ 1 đến 10. Trên mũi tên là “3 x”. Lần lượt các bạn sẽ quay vòng quay và nêu kết quả phép tính 3 nhân với số vừa quay được.  + Cách chơi: Chia lớp thành 2 đội. Mỗi đội lần lượt sẽ quay vòng quay và nêu to kết quả phép tính. Thời gian chơi trong 1 phút.  Nếu đội bạn trả lời đúng, đội còn lại sẽ nhận xét bằng tràng pháo tay. Nếu bạn trả lời sai, cả lớp sẽ nhận xét bằng cách phát âm “ú ù” | - Chơi trò chơi.  Ví dụ: 3 x 5 = 15  3 x 8 = 40  3 x 7 = 21  3 x 6 = 18, … |
|  | **2. Kết nối** | |
|  | - Quan sát tranh và cho biết tranh vẽ gì?  -Giới thiệu bài mới. | - Hai bạn đang chơi trò chơi đố nhau về kết quả của phép tính 12 : 3  - Bạn nữ đã thực hiện tìm kết quả phép tính bằng cách thao tác với các tấm thẻ có 3 chấm tròn.  - Bạn nam đã thực hiện tìm kết quả bằng cách dựa vào mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia. |
| **15ph** | **B) HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI.** | |
|  | - Tổ chức thảo luận nhóm 4: Các em có thể sử dụng các tấm thẻ chấm tròn các em đã chuẩn bị, hoặc vận dụng mối quan hệ của phép nhân và phép chia để thành lập bảng chia 3.  - Tổ chức cho học sinh đọc nối tiếp bảng chia 3.  - Tổ chức cho học sinh học thuộc lòng bảng chia 3 trong nhóm đôi.  - Tổ chức thi học thuộc lòng bảng chia 3. | - Các em thảo luận nhóm 4 và hình thành bảng chia 3 vào bảng nhóm.  3 : 3 = 1 6 : 3 = 2  9 : 3 = 3 12 : 3 = 4  15 : 3 = 5 18 : 3 = 6  21 : 3 = 7 24 : 3 = 8  27 : 3 = 9 30 : 3 = 10  - Đọc bảng chia 3.  - Đọc bảng chia 3 trong nhóm.  - Thi học thuộc lòng bảng chia 3. |
| **15ph** | **C) HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP** | |
|  | **Bài 1: Tính nhẩm** | |
|  | -Tổ chức cho học sinh đọc yêu cầu bài tập.  - Bài tập yêu cầu làm gì?  - Các phép tính trong bài thuộc bảng phép tính nào đã học?  - Vận dụng bảng chia 3 để thực hiện các phép tính trong vở.  - Tổ chức sửa bài bằng trò chơi: Truyền điện.  - Nêu luật chơi.  + Cách chơi: Bạn đầu tiên nêu phép tính. Sau đó đập tay (hoặc đập vai) bạn (ở trước, ở sau, ở bên trái, bên phải) để bạn là người tếp tục cho đến hết các phép tính.  + Nếu bạn trả lời đúng, cả lớp sẽ nhận xét bằng tràng pháo tay. Nếu bạn trả lời sai, cả lớp sẽ nhận xét bằng cách phát âm “ú ù”  - Tổ chức cho học sinh đọc bảng chia 3. | - Đọc yêu cầu bài tập: Tính nhẩm  - Tính nhẩm rồi viết kết quả.  - Bảng chia 3  - Làm bài vào vở.  6 : 3 = 2 15 : 3 = 5  9 : 3 = 3 3 : 3 = 1  12 : 3 = 4 21 : 3 = 7  30 : 3 = 10 27 : 3 = 9  18 : 3 = 6  - Chơi trò chơi.  - Đổi vở chấm bài bạn.  - Đọc bảng chia 3. |
|  | **Bài 2: Tính:** | |
|  | **-** Tổ chức cho học sinh đọc yêu cầu của bài tập.  - Bài tập 2 yêu cầu gì?  - Tổ chức cho học sinh làm bài.  - Tổ chức sửa bài bằng trò chơi Tiếp sức.  + Cách chơi: Một bạn sẽ lên bảng ghi kết quả đầu tiên. Sau đó chuyền phấn cho bạn tiếp theo. Cứ như vậy cho đến hết.  - Em hãy nêu mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia. | - Đọc yêu cầu của bài tập: Tính  - Tính  - Viết các phép tính vào vở.  3 x 5 = 15 3 x 6 = 18  15 : 3 = 5 18 : 3 = 6  15 : 5 = 3 18 : 8 = 3  3 x 8 = 24 24 : 3 = 8  24 : 8 = 3  - Nhận xét bài làm của bạn.  - Đọc từng nhóm phép tính.  - Từ một phép nhân ta hình thành được hai phép tính chia tương ứng. Lấy tích chia cho thừa số thứ nhất sẽ được thừa số thứ hai và ngược lại. |
|  | **Tiết 2** | |
| **30ph** | **Khởi động:** |  |
|  | Tổ chức trò chơi: Chuyền bóng.  - Cách chơi: Bạn đầu tiên sẽ nêu phép tính (trong bảng chia 3) rồi chuyền bóng cho bạn. Bạn nhận được bóng sẽ nêu kết quả của phép tính. Và nêu phép tính tiếp theo. (Thời gian chơi: 1 phút)  - Cả lớp sẽ nhận xét câu trả lời của bạn. Nếu bạn trả lời đúng, cả lớp nhận xét bằng tràng pháo tay. Nêu sai sẽ nhận xét bằng cách phát âm “ ú ù”. | - Chơi trò chơi.  - 6 : 3 = 2  12 : 3 = 4  21 : 3 = 7,… |
|  | **Bài 3: Chọn kết quả đúng với mỗi phép tính.** | |
|  | - Bài tập yêu cầu em làm gì?  - Em hãy vận dụng kiến thức đã học, giúp các chú chim về tổ của mình bằng cách nối chú chim với tổ của chú.  - Quan sát và cho biết các phép tính có gì giống nhau. | - Đọc yêu cầu bài tập: Chọn kết quả đúng với mỗi phép tính  - Chọn kết quả đúng và nối phép tính với kết quả đó.  - Làm bài vào vở  30 kg : 3 = 10 kg 27 l : 3 = 9 l  21 mm : 3 = 7 mm 15 kg : 3 = 5kg  12 l : 3 = 4 l 9 mm : 3 = 3 mm  - Sửa bài trên bảng.  - Nhận xét bài của bạn.  - Các phép tính đều là phép tính chia có đại lượng. Khi thực hiện các phép tính, cần chú ý viết đơn vị vào sau kết quả. |
|  | **Bài 4: Giải bài toán sau** | |
|  | - Tổ chức cho học sinh đọc đề bài toán mẫu.  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán yêu cầu tìm gì?  - Muốn tìm được số chuyến để mang hết số táo ta làm như thế nào?  - Muốn tìm số chuyến (số nhóm) em làm như thế nào? | - Đọc đề bài toán: Nhím con giúp mẹ mang 18 quả táo về nhà. Mỗi chuyến nhím con mang được 3 quả táo. Hỏi nhím con phải đi mấy chuyến để mang hết số táo về nhà?  - Có 18 quả táo, mỗi chuyến mang đi 3 quả táo.  - Tìm số chuyến để mang đi hết số táo.  - Lấy số quả táo có tất cả chia cho số táo mỗi chuyến nhím mang được.  - Làm bài giải vào vở.  *Nhím con phải đi số chuyến để mang hết số táo về nhà là:*  *18 : 3 = 6 (chuyến)*  *Đáp số: 6 chuyến*  - Sửa bài.  - Nhận xét bài làm của bạn. Đổi vở chấm bài của bạn.  - Lấy số quả có tất cả chia cho số quả của mỗi chuyến. |
| **10ph** | **D) HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM** | |
|  | **Bài 5: Kể một tình huống thực tế có sử dụng phép chia trong bảng chia 3.** | |
|  | - Tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm đôi:  + Em hãy kể một tình huống thực tế có sử dụng phép chia trong bảng chia 3. | - Thảo luận nhóm đôi.  - Trình bày kết quả thảo luận:  + Ví dụ: Có 12 cái kẹo, cô chia cho mỗi bạn, mỗi bạn có 3 cái kẹo. Có 4 bạn được chia kẹo…. |
|  | **Củng cố, dặn dò:** | |
|  | **-** Qua bài học hôm nay, em biết được điều gì?  - Em muốn nhắn nhủ các bạn của mình điều gì? | - Bảng chia 3 và giải bài toán liên quan đến phép chia.  - Cần học thuộc bảng chia 3.  - Cần ghi nhớ cách giải bài toán liên quan đến phép chia.  - Tìm thêm các tình huống trong cuộc sống có sử dụng phép chia trong bảng chia 3 để chia sẻ cùng các bạn trong buổi học sau. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**TUẦN 6**

**MÔN TOÁN:**

**Tiết 29,30 Bảng chia 4. Số tiết: 2 tiết**

Thời gian thực hiện: ngày 13 và 14 tháng 10 năm 2022

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, học sinh đạt được các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép tính trong bảng chia 4 và thành lập bảng chia 4.

-Vận dụng bảng chia 4 để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn.

- Phát triển các năng lực toán học: **Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng phương tiện, công cụ toán học.**

- Phát triển các phẩm chất: chăm chỉ, đoàn kết và hợp tác tốt với bạn, mạnh dạn và tự tin trình bày ý kiến.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

Giáo viên: - Tranh minh họa bài tập 3, 4, thẻ chấm tròn.

Học sinh: - Sách Toán, vở Bài tập Toán, 10 tấm thẻ - mỗi tấm thẻ có 4 chấm tròn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:**

**Tiết 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **5ph** | **A) HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** | |
|  | 1. **Khởi động:** | |
|  | **-** Tổ chức trò chơi: Lật mảnh ghép  - Nêu luật chơi: Có 4 mảnh ghép, mỗi mảnh ghép sẽ chứa một điều bí ẩn. Các em sẽ chọn mảnh ghép và thực hiện yêu cầu của mảnh ghép.  - Nếu đội bạn trả lời đúng, đội còn lại sẽ nhận xét bằng tràng pháo tay. Nếu bạn trả lời sai, cả lớp sẽ nhận xét bằng cách phát âm “ú ù” | - Chơi trò chơi.  - Mảnh ghép 1: 18 : 3 = ?  - Mảnh ghép 2: Xem tranh nêu phép chia thích hợp. (15 : 3 = 5)  - Mảnh ghép 3: Bạn được cả lớp tặng tràng pháo tay.  - Mảnh ghép 4: Em hãy kể một tình huống thực tế có sử dụng phép chia 3.  => Xuất hiện bức tranh phần khám phá bài Bảng chia 4. |
|  | **2. Kết nối** | |
|  | - Quan sát tranh và cho biết tranh vẽ gì?  -Giới thiệu bài mới. | - Hai bạn đang chơi trò chơi đố nhau về kết quả của phép tính 8 : 4  - Bạn nữ đã thực hiện tìm kết quả phép tính bằng cách thao tác với các tấm thẻ có 4 chấm tròn.  - Bạn nam đã thực hiện tìm kết quả bằng cách dựa vào mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia. |
| **10ph** | **B) HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI.** | |
|  | - Tổ chức thảo luận nhóm 4: Các em có thể sử dụng các tấm thẻ chấm tròn các em đã chuẩn bị, hoặc vận dụng mối quan hệ của phép nhân và phép chia để thành lập bảng chia 4.  - Tổ chức cho học sinh đọc nối tiếp bảng chia 4.  - Tổ chức thi học thuộc lòng bảng chia 4. | - Các em thảo luận nhóm 4 và hình thành bảng chia 4 vào bảng nhóm.  4: 4 = 1 8 : 4 = 2  12 : 4 = 3 16 : 4 = 4  20 : 4 = 5 24 : 4 = 6  28 : 4 = 7 32 : 4 = 8  36 : 4 = 9 40 : 4 = 10  - Đọc bảng chia 4.  - Thi học thuộc lòng bảng chia 4. |
| **20ph** | **C) HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP** | |
|  | **Bài 1: Tính nhẩm** | |
|  | -Tổ chức cho học sinh đọc yêu cầu bài tập.  - Bài tập yêu cầu làm gì?  - Các phép tính trong bài thuộc bảng phép tính nào đã học?  - Vận dụng bảng chia 4 để thực hiện các phép tính trong vở.  - Tổ chức sửa bài bằng trò chơi: Vòng quay kì diệu  - Nêu luật chơi: Mỗi vòng quay có 10 ô số đánh số từ 4, 8, 12, 16, 20, 24, 28, 32, 36, 40. Trên mũi tên là “: 4”. Lần lượt các bạn sẽ quay vòng quay và nêu kết quả phép tính đó.  + Nếu bạn trả lời đúng, cả lớp sẽ nhận xét bằng tràng pháo tay. Nếu bạn trả lời sai, cả lớp sẽ nhận xét bằng cách phát âm “ú ù”  - Các phép tính trên có gì giống nhau?  - Tổ chức cho học sinh đọc bảng chia 4. | - Đọc yêu cầu bài tập.  - Tính nhẩm rồi viết kết quả.  - Bảng chia 4  - Làm bài vào vở.  - Chơi trò chơi.  16 : 4 = 4 32 : 4 = 8  8 : 4 = 2 28 : 4 = 7  20 : 4 = 5 4 : 4 = 1  40 : 4 = 10 24 : 4 = 6  36 : 4 = 9  - Đổi vở chấm bài bạn.  - Các phép tính trong bảng chia 4.  - Đọc bảng chia 4. |
|  | **Bài 2: Tính:** | |
|  | **-** Tổ chức cho học sinh đọc yêu cầu của bài tập.  - Bài tập 2a yêu cầu gì?  - Tổ chức cho học sinh làm bài.  - Tổ chức sửa bài bằng trò chơi Tiếp sức.  - Cách chơi: Một bạn sẽ lên bảng ghi kết quả đầu tiên. Sau đó chuyền phấn cho bạn tiếp theo. Cứ như vậy cho đến hết.  - Em hãy nêu mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia.  - Bài tập 2b yêu cầu gì?  - Các phép tính có gì giống nhau? | - Đọc yêu cầu của bài tập: Tính  - Tính  - Viết các phép tính vào vở.  4 x 5 = 20 4 x 6 = 24  20 : 4 = 5 24 : 4 = 6  20 : 5 = 4 24 : 6 = 4  4 x 9 = 36 36 : 4 = 9  36 : 9 = 4  - Nhận xét bài làm của bạn.  - Đọc từng nhóm phép tính.  - Từ một phép nhân ta hình thành được hai phép tính chia tương ứng. Lấy tích chia cho thừa số thứ nhất sẽ được thừa số thứ hai và ngược lại.  - Tính  - Viết các phép tính vào vở.  12 kg : 4 = 3 kg  28 mm : 4 = 7 mm  40 l : 4 = 10 l  - Sửa bài  - Nhận xét bài của bạn.  - Các phép tính đều chứa đơn vị. Khi viết kết quả cần chú ý viết đơn vị vào bên phải của kết quả. |
|  | **Tiết 2** | |
| **30ph** | **Khởi động:** |  |
|  | Tổ chức trò chơi: Chuyền bóng.  - Cách chơi: Bạn đầu tiên sẽ nêu phép tính (trong bảng chia 4) rồi chuyền bóng cho bạn. Bạn nhận được bóng sẽ nêu kết quả của phép tính. Và nêu phép tính tiếp theo. (Thời gian chơi: 1 phút)  - Cả lớp sẽ nhận xét câu trả lời của bạn. Nếu bạn trả lời đúng, cả lớp nhận xét bằng tràng pháo tay. Nêu sai sẽ nhận xét bằng cách phát âm “ ú ù”. | - Chơi trò chơi.  - 12 : 4 = 3  14 : 4 = 4  20 : 4 = 5,… |
|  | **Bài 3: Số?** | |
|  | - Tổ chức cho học sinh đọc yêu cầu bài tập  - Bài tập yêu cầu làm gì?  - Tranh a, vẽ gì?  - Để tìm số quả cam trong mỗi túi ta làm như thế nào?  - Tranh b, vẽ gì?  - Để tìm số hàng ghế xếp được ta làm như thế nào?  - Câu a, câu b có gì giống và khác nhau?  - Muốn tìm số quả cam trong mỗi túi ta làm thế nào?  - Muốn tìm số hàng ghế xếp được ta làm thế nào? | - Đọc yêu cầu bài tập: Số?  - Quan sát tranh, viết số thích hợp vào ô trống.  - Vẽ 24 quả cam, chia đều vào 4 túi.  - Lấy số quả cam có tất cả chia cho số túi.  - Làm bài vào vở.  24 : 4 = 6  - Sửa bài.  - Nhận xét bài của bạn.  - Vẽ 12 cái ghế, xếp thành các hàng, mỗi hàng 4 cái ghế.  - Lấy số cái ghế có tất cả chia cho số cái ghế mỗi hàng.  - Làm bài vào vở.  12 : 4 = 3  - Sửa bài  - Nhận xét bài bạn.  - Giống nhau đều có phép chia cho 4. Khác nhau: ở câu a đi tìm số quả cam có trong mỗi túi; ở câu b đi tìm số hàng (số nhóm) xếp được.  - Lấy số quả cam có được chia cho số túi.  - Lấy số ghế có tất cả chia chô số ghế mỗi hàng. |
|  | **Bài 4: Giải bài toán sau** | |
|  | - Tổ chức cho học sinh đọc đề bài toán.  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán yêu cầu tìm gì?  - Muốn tìm được số ngày để uống hết 20 viên thuốc ta làm như thế nào?  - Muốn tìm số ngày uống thuốc ta làm thế nào? | - Đọc đề bài toán: Bác sĩ đưa cho Nam lọ thuốc có 20 viên và dặn Nam mỗi ngày uống 4 viên. Hỏi Nam cần uống hết lọ thuốc đó trong mấy ngày?  - Có 20 viên thuốc, mỗi ngày uống 4 viên.  - Tìm số ngày uống hết số thuốc trên.  - Lấy số thuốc có tất cả chia cho số viên thuốc Nam uống mỗi ngày.  - Làm bài giải vào vở.  *Số ngày Nam cần để uống hết lọ thuốc là:*  *20 : 4 = 5 (ngày)*  *Đáp số: 5 ngày*  - Sửa bài.  - Nhận xét bài làm của bạn. Đổi vở chấm bài của bạn.  - Lấy số viên thuốc có tất cả chia cho số viên thuốc mỗi ngày uống. |
| **10ph** | **D) HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM** | |
|  | **Bài 5: Kể một tình huống thực tế có sử dụng phép chia trong bảng chia 3.** | |
|  | - Tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm đôi:  + Em hãy kể một tình huống thực tế có sử dụng phép chia trong bảng chia 4. | - Thảo luận nhóm đôi.  - Trình bày kết quả thảo luận:  + Ví dụ: Có 12 cái kẹo, cô chia cho mỗi bạn, mỗi bạn có 4 cái kẹo. Có 3 bạn được chia kẹo…. |
|  | **Củng cố, dặn dò:** | |
|  | **-** Qua bài học hôm nay, em biết được điều gì?  - Em muốn nhắn nhủ các bạn của mình điều gì? | - Bảng chia 4 và giải bài toán liên quan đến phép chia.  - Cần học thuộc bảng chia 4.  - Cần ghi nhớ cách giải bài toán liên quan đến phép chia.  - Tìm thêm các tình huống trong cuộc sống có sử dụng phép chia trong bảng chia 4 để chia sẻ cùng các bạn trong buổi học sau. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**